

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 14 / 10 /2025 của UBND xã Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước hực hiện 9 tháng năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG SỐ THU	-	206.410	
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		7.733	
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		1.523	
3	Thu bổ sung	-	197.154	
	- Thu bổ sung cân đối		127.243	
	- Thu bổ sung có mục tiêu		69.911	
4	Thu chuyển nguồn			
B	TỔNG SỐ CHI	-	94.312	
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên		94.312	
3	Dự phòng ngân sách			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 14 / 10 /2025 của UBND xã Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Ước thực hiện 9 tháng năm 2025 (1)		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU			207.501	206.410		
I	Các khoản thu 100%			7.733	7.733		
1	Lệ phí trước bạ (trừ trước bạ nhà, đất)			2.346	2.346		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			7	7		
3	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			30	30		
4	Thu tiền sử dụng đất			5.317	5.317		
5	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			33	33		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)			2.614	1.523		
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			3			
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			1.085	560		
3	Thuế thu nhập cá nhân			508	505		
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất			367	293		
5	Thu phí, lệ phí			310	158		
6	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước			72	-		
7	Thu khác ngân sách			269	7		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			197.154	197.154		
	- Thu bổ sung cân đối			127.243	127.243		
	- Thu bổ sung có mục tiêu			69.911	69.911		

* Ghi chú: (1) bao gồm số đã thu của 03 xã trước sáp nhập chưa quyết toán.

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 14 / 10 /2025 của UBND xã Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 9 tháng năm 2025 (1)			So sánh (%)		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI				94.312	0	94.312			
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				25.884		25.884			
2	Chi khoa học, công nghệ, chuyển đổi số				-		-			
3	Chi quốc phòng				780		780			
4	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				1.042		1.042			
5	Chi y tế, dân số và gia đình				-		-			
6	Chi văn hóa thông tin				2.589		2.589			
7	Chi phát thanh, truyền hình				103		103			
8	Chi thể dục thể thao				-		-			
9	Chi bảo vệ môi trường				676		676			
10	Chi hoạt động kinh tế				8.659		8.659			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể				37.387		37.387			
12	Chi bảo đảm xã hội				17.192		17.192			
13	Chi khác ngân sách				-		-			
14	Dự phòng ngân sách				-		-			

* Ghi chú: (1) bao gồm số đã chi của 03 xã trước sáp nhập chưa quyết toán, số đã chi của cấp huyện chưa quyết toán, bàn giao